

Bản án số: 42/2021/HS-ST  
Ngày: 27-9-2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRC, TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Truyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Ngô Thị OAh Kiều

Bà Cao Thị Ngọc Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lư Minh V; sinh ngày 25/6/2002, tại huyện DH, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú ấp CC, xã LV, huyện DH, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lư Văn Th, sinh năm 1984 và bà Dương Thị Ngọc G (chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: **Xấu, bởi vì** đã nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy là không chấp hành đúng quy định về phòng, chống tác hại của ma túy; bị khởi tố, bắt tạm giam từ ngày 29/01/2021 cho đến nay, có mặt.

2. Phan Phú Q; sinh ngày 17/10/1996, tại huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú ấp A N, xã ATh3, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H, sinh năm 1977 và bà Kim Thị Ph, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: **Xấu, bởi vì** đã từng nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy là không chấp hành đúng quy định về phòng, chống tác hại của ma túy; bị khởi tố, bắt tạm giam từ ngày 29/01/2021 cho đến nay, có mặt.

3. Phan Quốc A; sinh ngày 19/11/1999, tại thị xã DH. Nơi cư trú ấp GTr, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn):

12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh M, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: **Xấu, bởi vì** đã từng nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy là không chấp hành đúng quy định về phòng, chống tác hại của ma túy; bị khởi tố, bắt tạm giam từ ngày 29/01/2021 cho đến nay, có mặt.

4. Trần Văn Ph (Vũ); sinh ngày 06/8/1995, tại huyện DH, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú ấp Phh, xã ĐH, huyện DH, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh V, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: **Xấu, bởi vì** đã từng nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy là không chấp hành đúng quy định về phòng, chống tác hại của ma túy; bị bắt quả tAg, đưa vào tạm giữ từ ngày 28/01/2021 đến ngày 29/01/2021 bị khởi tố, chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Trần Văn B, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp BGiB, xã ĐX, huyện DH, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cáo trạng số 35/CT-VKS-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Lư Minh V, Phan Phú Q, Phan Quốc A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn Ph về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Hành vi các bị cáo bị truy tố như sau:

Do quen biết nhau từ trước nên bị cáo Lư Minh V **rủ** bị cáo Phan Phú Q mua ma túy đem về để bị cáo V bán kiếm tiền lời chia nhau tiêu xài, bị cáo Q đồng ý. Sau khi **rủ** bị cáo Q xong, bị cáo V mới bàn, kêu bị cáo Phan Quốc A tìm đối tượng sử dụng ma túy giới thiệu để bị cáo V bán ma túy cho họ, sau khi bán được ma túy, bị cáo V sẽ cho tiền bị cáo A tiêu xài, bị cáo A nhận lời; bàn bạc xong, bị cáo V đưa 1.000.000 đồng để bị cáo A chuyển tiền cho bị cáo Q để mua ma túy. Sau khi nhận được tiền, bị cáo Q thông báo cho bị cáo V biết là tổng số tiền mua ma túy là 3.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo V phải chuyển thêm 500.000 đồng. Do không còn tiền nên bị cáo V **rủ** bị cáo A hùn thêm 500.000 đồng để chuyển cho bị cáo Q mua ma túy, bị cáo A không có tiền hùn. Lúc này, bị cáo A mới điện thoại nói với bị cáo Trần Văn Ph, nội dung **rủ** bị cáo Ph hùn số tiền 500.000 đồng với bị cáo V để mua ma túy, bị cáo Ph đồng ý. Lúc **rủ**, bị cáo A không có nói cho bị cáo Ph biết mục đích của bị cáo V mua ma túy về là để bán nên bị cáo Ph cho rằng là hùn tiền với bị cáo V để mua ma túy về cùng sử dụng (do giữa các bị cáo A, Ph cũng có từng thời gian sử dụng ma túy chung). Sau đó, bị cáo Ph và bị cáo A mới chạy xe mô tô đi cầm cố cái điện thoại của bị cáo Ph được số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Ph đưa cho bị cáo A tổng số tiền 600.000 đồng, trong đó 500.000 đồng là tiền chuyển cho bị cáo Q để mua ma túy, còn 100.000 đồng là tiền phí chuyển tiền.

Đến ngày 27/01/2021, khi gặp bị cáo V, bị cáo Q thông báo cho bị cáo V biết là ma túy mua đã gửi về theo xe khách ThNg ở ấp Ch, xã ĐA, huyện TrC. Lúc này, bị cáo V mượn xe mô tô nhãn hiệu, Honda, loại Winner, màu trắng đen, biển số: 84F1-23604 của Lê Quốc V chở bị cáo Q đi đến trạm xe khách ThNg để lấy ma túy mang về. Khi đến trạm xe, hai bị cáo gặp ông Trần Văn B, bị cáo Q yêu cầu cho lấy hàng hóa, bị cáo Q đọc số điện thoại của mình là 0522006027 và giới thiệu tên Q, ông B đối chiếu thông tin trên hàng hóa và biết hàng hóa mà bị cáo Q yêu cầu lấy là: Một hộp giấy bên ngoài có ghi “1 combo + 1 kem”, tên Quý cùng số điện thoại 0522006027, ông B chuẩn bị làm thủ tục giao nhận cho bị cáo Q, bị cáo Q nghi ngờ có Công A nên không lấy hàng, bị cáo Q nhanh chóng điều khiển xe chạy trước bỏ bị cáo V ở trạm xe, bị cáo V đi về sau và lại nhà của bị cáo A.

Về đến nhà bị cáo A, bị cáo V nói cho các bị cáo Q, Ph và A biết là ma túy còn tại trạm xe, sau đó bị cáo Q cùng bị cáo Ph tiếp tục dùng xe mô tô trên trở lại trạm xe ThNg để lấy ma túy, trên đường đi bị cáo Q sợ bị phát hiện nên nói với bị cáo Ph gần tới trạm xe cho bị cáo Q xuống xe ngồi chờ, bị cáo Ph đi đến vào lấy một mình, bị cáo Q nhắn tin số điện thoại của mình cho bị cáo Ph biết để đối chiếu với nhân viên trạm xe, bị cáo Q nhắn vào điện thoại của bị cáo A thông qua mạng Zalo, do bị cáo Ph không có điện thoại nên lúc đi lấy ma túy, bị cáo Ph đã mượn điện thoại của bị cáo A để trên đường đi liên lạc với bị cáo Q. Đến khoảng 00 giờ 40 phút rạng sáng ngày 28/01/2021, bị cáo Ph một mình đến trạm xe lấy ma túy, khi gặp ông B, bị cáo Ph yêu cầu lấy hàng hóa của bị cáo Q, bị cáo Ph cung cấp số điện thoại của bị cáo Q để ông B đối chiếu, đúng số điện thoại và đúng tên người nhận tên “Quý và số điện thoại 0522006027”, ông B không biết bên trong có chứa ma túy nên giao cho bị cáo Ph nhận ma túy xong, chạy xe ra khỏi trạm xe thì bị lực lượng Công an tuần tra phát hiện, kiểm tra chiếc hộp bên trong có 01 cái áo sơ mi và 01 cái loa, kiểm tra chiếc áo sơ mi phát hiện cổ áo rách một đoạn, kiểm tra bên trong cổ áo phát hiện 01 bịch nhựa được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt nghi là ma túy, bị cáo Ph trình bày chất tinh thể trên là ma túy, Cơ quan điều tra Công an huyện TrC tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Ph, sau đó tiến hành làm việc đối với các bị cáo Q, V và A, tại Cơ quan điều tra các bị cáo Ph, Q, V và A đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào Bản kết luận giám định số: 66/KLGĐ ngày 29/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công A tỉnh Trà Vinh kết luận: Tinh thể được chứa trong 01 (một) bịch nhựa được hàn kín, được niêm phong trong phong bì có ký hiệu D gửi giám định đều là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 4,9218 gam.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo Q khai nhận mua của một người có tên Mãi, mua thông qua điện thoại, số thuê bao 0355096933, mua với số tiền 1.800.000 đồng, bị cáo Q chuyển tiền cho Mãi thông qua dịch vụ chuyển tiền MOMO trên điện thoại di động, bị cáo Q chuyển tiền cho Mãi số tiền là 1.850.000 đồng gồm tiền mua ma túy là 1.800.000 đồng, 50.000 đồng là phí vận chuyển hàng hóa. Từ số điện thoại trên của bị cáo Q cung cấp, Cơ quA điều tra tiến hành xác minh, được biết số điện thoại trên do Lê Văn M, sinh ngày 08/9/1995, cư trú tại ấp ATh1, xã ThThTh, huyện TrĐ, tỉnh Sóc Trăng đăng ký. Cơ quan điều tra Công an huyện TrC tiến hành mời Lê Văn M làm việc. Tuy nhiên, qua thông tin người thân M cung cấp thì hiện tại M không mặt tại địa Ph, đi đâu không rõ địa chỉ nên chưa mời làm việc được. Cơ

qua Cảnh sát điều tra Công an huyện TrC tiến hành trích lục hình ảnh của Lê Văn M để cho bị cáo Q nhận dạng, kết quả bị cáo Q xác định Lê Văn M (có trong các hình ảnh nhận dạng) không phải là người bán ma túy cho bị cáo Q.

Ngày 29/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TrC đã ra Quyết định tạm giữ đồ vật tài liệu gồm:

- 01 (Một) vỏ bao gói và tinh thể trong suốt có khối lượng 4,8325 gam là ma túy, loại Methamphetamine để trong phong bì niêm phong số: 66/MD ngày 29/01/2021.

- 01 cái áo sơ mi, loại áo tay dài, áo màu trắng, trên áo có hình nhiều nốt nhạc, trên cổ áo rách một đoạn dài 06cm, rách một mặt.

- 01 hộp giấy, kích thước 15cm x 15cm x 10cm trên hộp giấy có ghi tên Quý, số điện thoại 0522006027. Có chữ 1 combo + 1 kem, người nhận Quý, trạm Đại A.

- 01 cái loa, kích thước mặt có 09cm x 09 cm, mặt loa có chữ ruizu.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu, Honda, loại Winner, màu trắng đen, biển kiểm soát: 84F1-23604, số máy KC26E1256949, số khung RLHKC2603KY000792, xe đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 số IMEL1: 869644052151415, số IMEL2: 869644052251407, trong điện thoại có gắn 01 SIM số 0988633044, điện thoại đã qua sử dụng.

Các đồ vật tài liệu nêu trên được phát hiện và tạm giữ tại thời điểm bắt quả tang bị cáo Trần Văn Ph. Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện TrC còn tạm giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

- Tạm giữ của bị cáo V:

- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme số IMEL1: 868595040631558, số IMEL2: 868595040631541, trong điện thoại có gắn 01 SIM số 0383163730, điện thoại đã qua sử dụng.

- + 13 (Mười ba) gói nhựa, mỗi gói còn một đầu chưa hàn kín.

- + 01 bịch nhựa chiều ngang 20cm, chiều dài 01 cạnh 19 cm, 01 cạnh 16,5cm.

- + 02 (Hai) cây kéo bằng kim loại màu trắng, chiều dài mỗi cây kéo 16cm, đầu mũi kéo chuyển sang màu đen do bị đốt nóng, trong đó có một cây kéo mũi bị cong.

- + 01 bậc lửa màu đỏ.

- + 01 bậc lửa màu trắng bên ngoài dán băng keo màu đen.

- + 01 cây nổ bằng thủy tinh.

- + 01 chai nhựa, loại chai nước giải khát nhãn hiệu Sting, nắp màu đỏ, trên nắp có 02 lỗ tròn.

- Tạm giữ của bị cáo Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S số IMEL1: 869347031084234, số IMEL2: 869347031084226, trong điện thoại có gắn 01 SIM số 0522006027, điện thoại đã qua sử dụng.

Đến ngày 16/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TrC ra quyết định xử lý vật chứng, bằng hình thức trả lại chiếc xe biển kiểm soát: 84F1-23604, số máy KC26E1256949, số khung RLHKC2603KY000792 trên cho ông Lê Quốc Vương. Riêng các vật chứng còn lại hiện đang được quản lý tại kho vật chứng thuộc nhà tạm giữ Công an huyện TrC.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Quốc A trình bày: Trước ngày xảy ra vụ án, bị cáo V có gặp bị cáo trong lúc đi đám tiệc chung, bị cáo V có hỏi bị cáo là có biết ai mua ma túy thì chỉ cho V để V mua ma túy về bán lại kiếm lời, nhưng bị cáo không có hứa hẹn gì. Việc bị cáo V, bị cáo Ph và bị cáo Q bàn bạc hùn tiền với nhau để mua ma túy vào ngày 27/01/2021 như thế nào thì bị cáo không biết. Khi bị cáo V nhờ bị cáo chuyển tiền của V dùm cho Q 1.000.000 đồng thì bị cáo có đi chuyển giúp cho V, chứ V không có nói với bị cáo là tiền chuyển cho Q để mua ma túy mà bị cáo V nói là chuyển tiền V trả nợ cho bị cáo Q. Đối với bị cáo Ph có đưa cho bị cáo 600.000 đồng, bị cáo Ph cũng nhờ bị cáo chuyển dùm cho Q 500.000 đồng và Ph cũng không nói là chuyển tiền cho Q mục đích để mua ma túy. Trong quá trình điều tra, do Điều tra viên Võ Văn Th đã đọc cho bị cáo ghi bản tự khai theo ý của Điều tra viên và Điều tra viên mớm cung bị cáo, các biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai đối với bị cáo thì Điều tra viên ghi theo ý của Điều tra viên và Điều tra viên có nói với bị cáo là bị cáo không có vai trò quan trọng trong vụ án, cứ khai như vậy sẽ được hưởng án treo nên bị cáo tin mới ký vào bản tự khai và các biên bản do Điều tra viên ghi mà không có khiếu nại, nay bị cáo xác định lời khai của bị cáo tại phiên tòa là đúng.

Các bị cáo Lư Minh V, Phan Phú Q và Trần Văn Ph có lời khai thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố. Bị cáo Trần Văn Ph khai mục đích bị cáo Ph hùn số tiền 500.000 đồng và nhờ bị cáo A chuyển cho bị cáo Q mua ma túy về là để sử dụng chứ không phải để bán lại. Bị cáo Ph cho rằng, bị cáo sống chung với bà ngoại từ nhỏ nên biết bà ngoại là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân huy chương, nhưng hiện Huân huy chương nay đã thất lạc không biết ai đang lưu giữ, bị cáo đề nghị cấp có thẩm quyền trích lục lại cho bị cáo.

Qua lời khai của bị cáo Phan Quốc A tại phiên tòa thì bị cáo Lư Minh V trình bày như sau: Trong quá trình điều tra, bị cáo không bị ép cung, dùng nhục hình, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là do bị cáo tự khai ra đúng nội dung sự việc. Đối với bị cáo Phan Quốc A, vào ngày 25/9/2021 khi trên đường được trích xuất từ Trại tạm giam Công an tỉnh Trà Vinh xuống Tòa án nhân dân huyện TrC tham gia phiên tòa, bị cáo Phan Quốc A được bố trí ngồi chung xe với bị cáo, bị cáo Ph và bị cáo Q thì bị cáo A có nhờ bị cáo và Ph, V cung cấp lời khai tại phiên tòa để loại bị cáo A ra (tức khai để bị cáo A không phạm tội). Vì vậy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày 25/9/2021 bị cáo khai với Tòa án không đúng sự thật, nay bị cáo xin khai lại cho đúng sự thật đó là “khi bị cáo nhờ bị cáo A chuyển tiền 1.000.000 đồng cho bị cáo Q thì bị cáo A biết rõ đây là tiền bị cáo hùn để mua ma túy về bán lại, một phần ma túy sẽ cho bị cáo A sử dụng không lấy tiền”; còn bị cáo Ph thì bị cáo cũng có rủ Ph hùn tiền mua ma túy và A cũng có rủ Ph hùn phần tiền còn thiếu, sau đó A đi chuyển tiền dùm Ph 500.000 đồng cho Q để hùn mua ma túy đem về, khi bị cáo Ph đi lấy ma túy thì bị bắt.

Bị cáo Trần Văn Ph trình bày: Trong quá trình điều tra, do bị cáo bị say ma túy, phần mệt mỏi nên bị cáo có nhiều lời khai là bị cáo Phan Quốc A điện thoại kêu bị cáo hùn 500.000 đồng còn thiếu, có lúc bị cáo bị cán bộ điều tra đánh nên bị cáo khai không đúng sự thật, nay bị cáo thay đổi lời khai “người rủ bị cáo hùn tiền mua ma túy là bị cáo V chứ không phải bị cáo A, việc bị cáo nhờ bị cáo A chuyển cho Q

500.000 đồng thì A không biết là tiền hùn mua ma túy”; bị cáo xác định lời khai này của bị cáo là đúng.

Điều tra viên Võ Văn Th được Hội đồng xét xử triệu tập đến phiên tòa ngày 27/9/2021 trình bày: Các bản tự khai là do các bị cáo tự viết, không ai đọc cho các bị cáo viết. Không có sự việc bị cáo Ph bị đánh đập trong giai đoạn điều tra. Lời khai của các bị cáo là do các bị cáo tự khai ra mà không bị ai ép buộc và các biên bản làm việc với các bị cáo xong thì các bị cáo đều có tự đọc lại và tự ghi ý kiến của mình, đồng thời ký xác nhận phía dưới. Đối với bị cáo Ph có khai gia đình có công cách mạng, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ thì mẹ ruột của bị cáo khẳng định gia đình bị cáo không ai là người có công với cách mạng.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lư Minh V, Phan Phú Q và Phan Quốc A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lư Minh V từ 02 năm tù đến 03 năm tù; Xử phạt bị cáo Phan Phú Q từ 02 năm tù đến 03 năm tù. Đối với bị cáo Phan Quốc A đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 của Bộ luật Hình sự nhưng điểm s áp dụng cho bị cáo Phan Quốc A chỉ trong giai đoạn điều tra (do tại phiên tòa bị cáo kêu oA) và đề nghị xử phạt bị cáo A từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn Ph phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Ph từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ chất ma túy thu giữ được (sau khi lấy mẫu giám định) cùng toàn bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đã thu giữ. Đối với 03 (ba) điện thoại di động của các bị cáo Lư Minh V, Phan Phú Q và Phan Quốc A, là Ph tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Về án phí hình sự sơ thẩm đề nghị buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng.

Các bị cáo Lư Minh V, Phan Phú Q, Trần Văn Ph và Phan Quốc A không phát biểu tự bào chữa;

Bị cáo Lư Minh V, Phan Phú Q nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm về với xã hội, gia đình;

Bị cáo Trần Văn Ph nói lời sau cùng: Không nói

Bị cáo Phan Quốc A nói lời sau cùng: Bị cáo bị oA, bị cáo không liên quan gì vụ án này;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được traAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người làm chứng ông Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai ở Cơ quan điều tra. Do thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo chủ trương của Chính phủ nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn B theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Bị cáo Phan Quốc A là người đã thành niên, bị cáo A có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, về trình độ văn hóa (học vấn) bị cáo đã học lớp 12/12 nên bị cáo nhận thức được hậu quả của việc cung cấp lời khai sai sự thật sẽ gây bất lợi cho bị cáo về mặt pháp lý; bản tự khai ngày 29/01/2021 chữ viết là do bị cáo tự viết ra, các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can đối với bị cáo ở phần cuối các biên bản bị cáo đều tự tay ghi rõ dòng chữ “*tôi có đọc lại biên bản này nội dung trên là do tôi tự khai đúng sự thật*”. Khi Kiểm sát viên phúc cung bị cáo ngày 04/6/2021 (bút lục 290- 291), bị cáo A cũng không có khiếu nại, không khai ra sự việc bị Điều tra viên mớm cung, ép cung như thế nào mà bị cáo có lời khai thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Tại phiên tòa, qua xét hỏi bị cáo A cho rằng Kiểm sát viên không có ép cung, mớm cung hay dùng nhục hình để bị cáo khai không đúng ý mình. Điều tra viên Võ Văn Th có mặt tại phiên tòa, qua đối chất bị cáo A không chứng minh được Điều tra viên Võ Văn Th mớm cung, ép cung như thế nào. Việc bị cáo A thay đổi lời khai tại phiên tòa nhưng không đưa ra lý do chính đáng nên bị cáo A phải chịu trách nhiệm về lời khai của mình tại các bản tự khai, các biên bản hoạt động điều tra tại Cơ quan điều tra.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Lư Minh V, Phan Phú Q, Trần Văn Ph có lời trình bày thống nhất nội dung như sau: Bị cáo V điện thoại cho bị cáo Q để bàn bạc, thống nhất mỗi người hùn 1.500.000 đồng để đặt mua ma túy nhằm mục đích mang về bán lại cho các đối tượng sử dụng để kiếm tiền tiêu xài tét. Sau khi V, Q thỏa thuận xong, bị cáo V nhờ bị cáo A giúp V chuyển tiền 1.000.000 đồng của V cho Q. Phần bị cáo Ph nhờ bị cáo A giúp Ph chuyển tiền 500.000 đồng của Ph cho Q. Bị cáo A đã thực hiện chuyển tiền của V cho Q 1.000.000 đồng và bị cáo A đã thực hiện chuyển tiền dùm Ph cho Q 500.000 đồng (A trình bày tại Tòa là không biết chuyển hai khoản tiền trên nhằm mục đích để mua ma túy).

Qua tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ xác định bị cáo Ph không biết sự việc V và Q thỏa thuận hùn tiền mua ma túy về bán lại kiếm lời. Khi nhận số tiền 1.500.000 đồng do A chuyển thì Q liên hệ với người bán ma túy (M) để mua ma túy. Người bán ma túy (M) không giao ma túy trực tiếp cho Q mà gửi ma túy về bằng đường xe khách của nhà xe ThNg. Khi ma túy về đến nhà xe ThNg ở ấp Ch, xã ĐA, huyện TrC, lần đầu tiên thì bị cáo V chở bị cáo Q đi đến trạm xe khách ThNg để lấy ma túy mang về, nhưng do bị cáo Q nghi ngờ có Công an nên không lấy hàng, bị cáo Q nhanh chóng điều khiển xe chạy trước bỏ bị cáo V ở trạm xe, bị cáo V đi về sau và lại nhà của bị cáo A. Sau đó, bị cáo Q cùng bị cáo Ph tiếp tục dùng xe mô tô trở lại trạm xe ThNg để lấy ma túy, đến khoảng 00 giờ 40 phút, đêm 28/01/2021, khi Ph vừa lấy gói ma túy ra khỏi nhà xe thì Công an huyện TrC bắt quả tang.

[4] Bị cáo Lư Minh V, bị cáo Phan Phú Q có lời trình bày thống nhất với nhau là bàn bạc hùn mua ma túy về nhằm mục đích mua bán kiếm lời, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo V, Q và Ph tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với vật chứng vụ án được Cơ quan điều tra thu giữ trực tiếp tại hiện trường đã được niêm phong đúng quy định của pháp luật và có chữ ký của bị cáo Ph khi lập biên bản niêm phong.



[5] Lời khai nhận tội của các bị cáo V, Q và Ph còn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 28/01/2021 của Công an huyện TrC, phù hợp với lời khai của những người làm chứng như ông Lê Quốc V, ông Trần Văn B và ông Hồ Minh C. Căn cứ vào Bản kết luận giám định số: 66/KLGD ngày 29/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Tinh thể được chứa trong 01(một) bịch nhựa được hàn kín, được niêm phong trong phong bì có ký hiệu D gửi giám định đều là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 4,9218 gam. Do đó, có căn cứ kết luận vào ngày 28/01/2021 tại ấp Ch, xã ĐA, huyện TrC, các bị cáo Lư Minh V, Phan Phú Q đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 4,9218 gam nhằm mục đích mua bán trái phép nên đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại **khoản 1 Điều 251** Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Đối với bị cáo Trần Văn Ph: Quá trình điều tra, bị cáo A có nhiều lời khai khác nhau, có lời khai khi bị cáo A khai A gọi điện cho bị cáo Trần Văn Ph, nội dung là V có mua ma túy nhưng còn thiếu số tiền 500.000 đồng nên chưa mua được, bị cáo A hỏi Ph có tiền không thì hùn thêm số tiền 500.000 đồng với V để mua ma túy thì Ph đồng ý. Tại phiên tòa, bị cáo V và bị cáo Ph xác định bị cáo V cũng có rủ bị cáo Ph và bị cáo Ph đồng ý hùn 500.000 đồng mua ma túy. Qua tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ xác định khi bị cáo V, Q bàn bạc mua ma túy về bán kiếm lời thì bị cáo Ph không biết, bị cáo Ph cho rằng việc hùn tiền với V để mua ma túy về là nhằm mục đích sử dụng, không nhằm mục đích mua bán. Quá trình kiểm tra chất ma túy trong cơ thể bị cáo Ph vào ngày **28/01/2021** thì kết quả xét nghiệm là bị cáo Ph dương tính với chất ma túy. Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo Ph tại phiên tòa về việc thừa nhận có hùn tiền 500.000 đồng với V và Q để mua ma túy về chỉ để sử dụng là phù hợp với lời khai của bị cáo V (phù hợp với các lời khai của bị cáo A trong giai đoạn điều tra). Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ kết luận bị cáo Ph đã phạm vào tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại **điểm c khoản 1 Điều 249** Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Đối với bị cáo Phan Quốc A: Mặc dù tại phiên tòa, bị cáo Phan Quốc A thay đổi lời khai, bị cáo A cho rằng khi bị cáo V, bị cáo Ph nhờ bị cáo chuyển tiền cho Q thì V và Ph không nói cho A biết đó là tiền chuyển cho Q để mua ma túy. Tuy nhiên, theo nhiều lời khai của bị cáo A trong quá trình điều tra thì bị cáo A là người đã từng sử dụng trái phép ma túy chung với V, Ph và bị cáo A có nhiều lời khai là biết V nhờ A chuyển tiền cho Q 1.000.000 đồng là nhằm mục đích để mua ma túy về một phần bán kiếm lời và một phần chia nhau sử dụng. Theo lời khai của bị cáo V trong quá trình điều tra, do không đủ tiền hùn 1.500.000 đồng với Q mà còn thiếu 500.000 đồng nên V có nói với A về việc thiếu tiền thì sau đó A là người gọi điện thoại cho bị cáo Ph rủ bị cáo Ph hùn số tiền 500.000 đồng còn thiếu và Ph đồng ý. Bị cáo V khẳng định, khi bị cáo V nhờ bị cáo A chuyển 1.000.000 đồng hùn với bị cáo Q để mua ma túy thì bị cáo V có nói cho bị cáo A biết. Tại phiên tòa, ngày 25/9/2021 thì bị cáo V và bị cáo Ph thay đổi lời khai cho rằng bị cáo A không biết việc V và Ph nhờ chuyển tiền cho Q là để mua ma túy.

Tại phiên tòa ngày 27/9/2021, bị cáo V trình bày: Ngày 25/9/2021 khi ngồi chung xe trên đường được trích xuất từ Trại tạm giam Công an tỉnh Trà Vinh xuống Tòa án nhân dân huyện TrC tham gia phiên tòa, bị cáo A có nhờ bị cáo và bị cáo Ph



cung cấp lời khai tại phiên tòa để loại bị cáo A ra (tức là khai để bị cáo A không phạm tội). Vì vậy, tại phiên tòa ngày 25/9/2021 bị cáo khai với Tòa án không đúng sự thật, nay bị cáo xin khai lại cho đúng sự thật đó là “*Khi bị cáo nhờ bị cáo A chuyển tiền 1.000.000 đồng cho bị cáo Q thì bị cáo A biết rõ đây là tiền bị cáo hùn để mua ma túy về bán lại, một phần ma túy sẽ cho bị cáo A sử dụng không lấy tiền*”; còn bị cáo Ph thì bị cáo A cũng có rủ Ph hùn 500.000 đồng còn thiếu, sau đó A đi chuyển tiền dùm Ph 500.000 đồng cho Q để hùn mua ma túy đem về, khi bị cáo đi lấy ma túy thì bị bắt.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Ph có nhiều bản tự khai viết tay và nhiều lời khai giống nhau, kể cả khi Viện kiểm sát phúc cung thì bị cáo Ph khai bị cáo A đã điện thoại rủ Ph hùn số tiền 500.000 đồng còn lại để mua ma túy và sau đó Ph nhờ bị cáo A chuyển tiền cho bị cáo Q 500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo Ph thay đổi lời khai cho rằng bị cáo V mới là người rủ Ph hùn tiền, A không rủ bị cáo hùn tiền và A chuyển tiền cho Q dùm bị cáo nhưng A không biết là tiền mua ma túy.

Tại phiên tòa các ngày 25 và ngày 27/9/2021, bị cáo Q xác định bị cáo V, bị cáo Ph không có nợ tiền bị cáo Q và không có sự việc bị cáo V chuyển tiền 1.000.000 đồng cho Q và bị cáo Ph chuyển tiền 500.000 đồng cho Q là nhằm mục đích trả nợ như bị cáo A trình bày. Theo lời khai thống nhất của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố thì lần đầu đi qua nhà xe ThNg lấy ma túy không thành công thì V và Q về nhà của A và tại nhà của A thì có mặt bốn bị cáo thì bị cáo V đã nói cho các bị cáo Q, Ph và A biết là ma túy còn tại trạm xe, điều này cho thấy không có sự việc bị cáo V, bị cáo Q và bị cáo Ph che giấu thông tin mua ma túy đối với bị cáo A. Khi bị cáo Q và bị cáo Ph trở lại trạm xe ThNg để lấy ma túy lần hai, khi đi A đã đưa điện thoại di động của A cho Ph để Q nhấn tín số điện thoại của Q vào điện thoại của A để Ph đối chiếu với nhà xe. Như vậy, cho thấy không những A đã giúp sức cho bị cáo V, Q và Ph chuyển tiền mua ma túy mà A còn giúp sức bằng cách đưa điện thoại cho Ph để Ph liên lạc với Q khi đi lấy ma túy lần hai. Vì vậy, lý do thay đổi lời khai của bị cáo Ph tại phiên tòa là nhằm mục đích khai báo gian dối, để giúp bị cáo A thoát tội nên việc thay đổi lời khai của bị cáo Ph là không được chấp nhận.

Như đã phân tích, qua hành vi khách quan của bị cáo V, bị cáo Q và bị cáo Ph cho thấy ý thức chủ quan của bị cáo A đã biết rõ việc bị cáo A giúp sức trong việc chuyển tiền dùm cho V và chuyển tiền dùm bị cáo Ph là để nhằm mua ma túy về bán lại; động cơ, mục đích của bị A trong việc chuyển tiền mua ma túy như bị cáo V khai là sẽ được V cho ma túy sử dụng không lấy tiền. Do đó, có đủ căn cứ để kết tội bị cáo A đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại **khoản 1 Điều 251** Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với vai trò đồng phạm giúp sức theo Điều 17 Bộ luật Hình sự.

[8] Tội phạm mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo đã vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Các bị cáo Lư Minh V, Phan Phú Q, Trần Văn Ph và Phan Quốc A là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Theo lời khai của các bị cáo thì trước khi bị khởi tố trong vụ án này, các bị cáo đều đã từng nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy là thể hiện ý

thức không chấp hành đúng quy định về phòng, chống tác hại của ma túy nên được xác định là người có nhân thân xấu. Việc các bị cáo có hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy và trực tiếp sử dụng trái phép chất ma túy đã góp phần tạo ra một lớp người nghiện, qua đó đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, gây ảnh hưởng sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của chính bản thân các bị cáo cũng như ảnh hưởng đến trật tự, trị an xã hội tại địa Ph.

[9] Về vai trò, vị trí của từng bị cáo: Bị cáo Lư Minh V là người chủ động rủ rê, lôi kéo bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo V là người có vai trò chính trong vụ án. Khi nghe bị cáo V rủ rê bị cáo Q là người tích cực liên lạc đối tượng tên Mãi để mua ma túy. Như đã phân tích, có đủ chứng cứ xác định bị cáo A là có vai trò người giúp sức cho bị cáo V, Q và bị Ph bằng cách bị cáo A đã thực hiện chuyển tiền của bị cáo V, bị cáo Ph cho bị cáo Q và giao điện thoại di động của A cho Ph sử dụng để đi lấy ma túy. Như vậy, vai trò của A là chỉ sau vai trò bị cáo Q. Đối với bị cáo Ph mặc dù có lời khai không biết mục đích V, Q thỏa thuận mua ma túy về bán, nhưng sau khi nghe Q, V nghi ngờ có Công an và bỏ về không lấy ma túy, nhưng bị cáo Ph đã trực tiếp đi lấy ma túy cho bằng được là thể hiện bị cáo Ph có ý thức phạm tội đến cùng. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải xử phạt các bị cáo V, Q, A và Ph mức án tù có thời hạn như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm để giáo dục, cải tạo bị cáo và để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Tại phiên tòa, bị cáo A kêu oan, bị cáo A lợi dụng khi ngồi chung xe với các bị cáo khác trong vụ án trên đường di chuyển từ nơi giam giữ đến nơi xét xử bị cáo A đã có hành vi mua chuộc các bị cáo V, bị cáo Ph (bị cáo Ph không thừa nhận) để bị cáo V, bị cáo Ph khai báo gian dối, cung cấp lời khai sai sự thật nhằm trốn tránh trách nhiệm, hành vi của bị cáo A thể hiện sự ngoan cố, không biết ăn năn hối cải nên cần phải bị nghiêm trị. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét quá trình điều tra, truy tố thì các bị cáo V, Q và Ph đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Riêng bị cáo A trong giai đoạn điều tra có thành khẩn khai báo nên mức độ thành khẩn khai báo của bị cáo A chỉ được áp dụng trong giai đoạn điều tra. Các bị cáo V, Q và A có người thân tham gia cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo V có vai trò chính trong vụ án nhưng bị cáo đã khai ra việc bị cáo A mua chuộc mình nên bị cáo V được xem xét giảm nhẹ thêm một phần hình phạt. Đối với bị cáo Ph, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ gia đình bị cáo Ph có ai thuộc diện có công với cách mạng hay không, mẹ ruột của bị cáo là bà Nguyễn Thị B khai gia đình bị cáo (bên ngoại) không có ai có công với cách mạng nên không có căn cứ xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ này.

[11] Về vật chứng: Chất ma túy thu giữ được (sau khi đã lấy ra một phần để giám định) là chất cấm sử dụng và các dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy là vật cấm lưu hành. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, trong điện thoại có gắn 01 SIM số 0383163730, điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 trong điện thoại có gắn 01 SIM số 0988633044, điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo A (do Ph sử dụng) và 01

điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S trong điện thoại có gắn 01 SIM số 0522006027, điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo Q. Đây là Ph tiện liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[12] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các quyết định của cơ quA tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Các bị cáo Lư Minh V, Phan Phú Q và Phan Quốc A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lư Minh V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/01/2021.

Xử phạt: Bị cáo Phan Phú Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/01/2021.

Xử phạt: Bị cáo Phan Quốc A 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/01/2021.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Ph (Vũ) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Ph (Vũ) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2021.

**Việc xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) vỏ bao gói và tinh thể trong suốt có khối lượng 4,8325 gam là ma túy, loại Methamphetamine để trong phong bì niêm phong số: 66/MD ngày 29/01/2021.

- 01 cái áo sơ mi, loại áo tay dài, áo màu trắng, trên áo có hình nhiều nốt nhạc, trên cổ áo rách một đoạn dài 06cm, rách một mặt.

- 01 cái hộp giấy, kích thước 15cm x 15cm x 10cm trên hộp giấy có ghi tên

Quý, số điện thoại 0522006027. Có chữ 1 combo + 1 kem, người nhận Quý, trạm Đại A.

- 01 cái loa, kích thước mặt có 09cm x 09 cm, mặt loa có chữ ruizu.
- + 13 (Mười ba) gói nhựa, mỗi gói còn một đầu chưa hàn kín.
- + 01 bịch nhựa chiều ngang 20cm, chiều dài 01 cạnh 19 cm, 01 cạnh 16,5cm.
- + 02 (Hai) cây kéo bằng kim loại màu trắng, chiều dài mỗi cây kéo 16cm, đầu mũi kéo chuyển sang màu đen do bị đốt nóng, trong đó có một cây kéo mũi bị cong.
- + 01 bậc lửa màu đỏ.
- + 01 bậc lửa màu trắng bên ngoài dán băng keo màu đen.
- + 01 cây nổ bằng thủy tinh.
- + 01 chai nhựa, loại chai nước giải khát nhãn hiệu Sting, nắp màu đỏ, trên nắp có 02 lỗ tròn.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 số IMEL1: 869644052151415, số IMEL2: 869644052251407, trong điện thoại có gắn 01 SIM số 0988633044, điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S số IMEL1: 869347031084234, số IMEL2: 869347031084226, trong điện thoại có gắn 01 SIM số 0522006027, điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme số IMEL1: 868595040631558, số IMEL2: 868595040631541, trong điện thoại có gắn 01 SIM số 0383163730, điện thoại đã qua sử dụng.

*(Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 35/QĐ-VKS-HS ngày 17/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh).*

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo Lư Minh V, Phan Quốc A, Phan Phú Q, Trần Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- VKSND huyện TrC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAD tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐT huyện TrC;
- Cơ quan THAHSCA huyện TrC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quA THADS huyện TrC;
- Trại Tạm giam Công A tỉnh Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ CA huyện TrC;
- Lưu HSVA

**Nguyễn Văn Truyền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Ngọc Hiền- Ngô Thị OAh Kiều**

**Nguyễn Văn Truyền**





















